

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4 - 2021.

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân.
2. Bà Đinh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2020 về vụ việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Trần Ngọc T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 7/5, đường H, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 32/2, thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 15/12/2005. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng bà chung sống với nhau tại số 7/5, đường H, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T ngoại tình. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi

người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007 và Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung cho đến ngày các con thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến ngày con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông T và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T được biết. Do bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

- Bà Lê Trần Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Trương Minh T. Ông Trương Minh T tự nguyện đồng ý ly hôn bà Lê Trần Ngọc T.

- Về con chung: Bà Lê Trần Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007 và cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Trương Minh T đồng ý giao bà Lê Trần Ngọc T trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007 và cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà Lê Trần Ngọc T yêu cầu ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức cấp dưỡng 5.000.000đồng/ 3 cháu/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2021 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Trương Minh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 con chung với mức cấp dưỡng 5.000.000đồng/ 3 cháu/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2021 cho đến ngày con chung thành niên. Tức ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp

dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng các cháu tính từ tháng 4/2021, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà T nhận chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và nhận chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Lê Trần Ngọc T và bị đơn ông Trương Minh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Lê Trần Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Trương Minh T. Ông Trương Minh T tự nguyện đồng ý ly hôn bà Lê Trần Ngọc T.

- Về con chung: Giao bà Lê Trần Ngọc T trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007 và cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012, với mức cấp dưỡng

1.666.666đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng các cháu tính từ tháng 4/2021, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà T nhận chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và nhận chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử, nhận thấy: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự tự nguyện này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 212, 213, 220, 227, 235, 246, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Trần Ngọc T và ông Trương Minh T.

- Về con chung: Giao bà Lê Trần Ngọc T trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007 và cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh N, sinh ngày 27/10/2005, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh A, sinh ngày 25/12/2007, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Ông Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Lê Minh C, sinh ngày 16/11/2012, với mức cấp dưỡng 1.666.666đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng các cháu tính từ tháng 4/2021, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến ngày các con chung thành niên.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Trần Ngọc T nhận chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và nhận chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Trần Ngọc T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000766 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Lê Trần Ngọc T còn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyền số 01/05, ngày 15/12/2005).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Vũ